TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 08/8/2024
V.v: "Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Công chức tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Hữu Đ, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai, vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2024 về việc: "Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn".

Do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 198/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7671/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987. Nơi ĐKHKTT: xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: số nhà A, đường H, xóm Đ, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà A, ngõ C đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T1: Anh Phạm Tuấn A (con trai), sinh năm 1980 đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, bà T1: Luật sư Nguyễn Thị Tố O - Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh N. Có mặt.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N. Vắng mặt.

3.3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Anh T trước đây là vợ chồng, sau đó anh chị đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 501/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị Phạm Thị H và anh Phạm Anh T chưa yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Nay chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn, gồm:

- Về đồ dùng sinh hoạt: 01 Tivi 49 in hiệu LG, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 máy giặt Electrolux cửa ngang, 01 bộ bàn ghế salong, 01 tủ quần áo bằng nhôm 3 ngăn, 01 tủ quần áo bằng nhôm 4 ngăn, 01 giường ngủ 1,6x2m (giường hộp); 01 giường ngủ 1,6x2m, 01 bếp ga, 01 quạt hút mùi, 01 bộ bàn ghế để ti vi bằng kính cường lực, 01 bộ cửa chính bằng gỗ dổi (đã tháo rời, bao gồm cả khung cửa).

- Về đất ở: 01 mảnh đất diện tích khoảng 200m^2 thuộc thửa 312, tờ bản đồ số 06 tại xóm M, xã H, TP V (nay là thửa 779, tờ bản đồ số 06)

- Về nhà ở: 01 ngôi nhà 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 110m^2. Sau khi vợ chồng ly hôn thì chị H ở lại căn nhà này khoảng 7-8 tháng nữa.

Thửa đất gắn liền với nhà ở nói trên có nguồn gốc là của bố mẹ anh Phạm T là ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1. Sau khi chị và anh T kết hôn (tháng 7/2014) thì bố mẹ anh T cho vợ chồng chị mảnh đất để xây nhà ở riêng, vì vậy ngay sau khi kết hôn (đầu tháng 8 năm 2014), vợ chồng cùng nhau xây dựng căn nhà 01 tầng. Cùng thời điểm xây nhà thì ông L có lên UBND xã hỏi thủ tục tách thửa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị nhưng do chi phí quá cao nên khi đó vợ chồng chị để tiền xây nhà ở ổn định rồi làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau.

Quá trình vợ chồng chị xây dựng nhà ở không ai phản đối do bố mẹ anh T đã cho vợ chồng thửa đất đó nên vợ chồng mới xây dựng nhà ở kiên cố ổn định như vậy, do nghĩ là bố mẹ cho con nên không làm giấy tờ gì. Quá trình xây nhà bố mẹ chồng tức ông L và bà T1 cho 200.000.000 đồng; bố mẹ đẻ chị cho 50.000.000 đồng; ngoài ra có vay chị gái anh T là chị Y 40.000.000 đồng; vay em gái chị 20.000.000 đồng; vay bố mẹ đẻ của chị là 50.000.000 đồng; còn lại là của vợ chồng chị tích góp được sau đám cưới. Tất cả số tiền vay để xây nhà trên vợ chồng đã trả nợ hết từ năm 2019. Ngôi nhà là công sức của vợ chồng chị, không liên quan đến bố mẹ anh T. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm những tài sản đã kê khai ở trên theo quy định của pháp luật.

Chị L còn khai: Khi chị và anh T đang làm thủ tục chia tài sản sau khi ly hôn tại Tòa án thì ông L và bà T1 vẫn làm thủ tục tách thửa đất số 725 thành 03 thửa là:

+ Thửa 777, tờ bản đồ số 6, diện tích 261,7m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858169 ngày 11/8/2021 cho anh Phạm Tuấn A (anh trai của anh Phạm Anh T);

+ Thửa 778, tờ bản đồ số 6, diện tích 219,7m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858170 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

+ Thửa 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

(Sau đây viết tắt là các thửa 725, 777, 778, 779)

Việc ông L, bà T1 làm thủ tục tách thửa đất 725 thành 03 thửa gồm 777, 778, 779 và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/8/2021 là trái pháp luật, vì tháng 3/2021 chị đã làm đơn yêu cầu Toà án chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn. Tháng 4/2021 thì có cuộc hoà giải ở xã H về tranh chấp tài sản khi ông L có đơn kiện chị lên xã H ngày 22/3/2021. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa gồm 777, 778, 779 thuộc tờ bản đồ số 6 ở xóm M, xã H, thành phố V Nghệ An.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Thị H và anh Phạm Anh T đã thống nhất nội dung: Tài sản chung của anh T và chị H gồm: 01 ti vi 49in hiệu LG; 02 chiếc tủ quần áo 03 ngăn và 04 ngăn; 01 máy giặt Electrolux cửa ngang; 01 tủ lạnh panasonic; 02 giường ngủ; một bộ bàn ghế salong; 01 bếp ga, 01 quạt hút mùi, 01 bộ bàn ghế để ti vi bằng kính cường lực, 01 bộ cửa chính bằng gỗ dổi (đã tháo rời, bao gồm cả khung cửa) anh T đồng ý để lại cho chị H, chị H đồng ý nhận. Chị H còn lại các yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn, bao gồm:

- Thửa đất 312, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa 779, tờ bản đồ 6, diện tích 242,2m^2) tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An

- Nhà ở: 01 (một) căn nhà 1 tầng, diện tích xây dựng khoảng 110m2.

Chị Phạm Thị H đề nghị chia đôi số tài sản nói trên và đề nghị được trích chia bằng tiền để chị Phạm Thị H tạo lập chỗ ở mới.

2. Hủy 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 777, tờ bản đồ số 6, diện tích 261,7m^2 đứng tên anh Phạm Tuấn A (anh trai của anh Phạm Anh T); Thửa đất số 778, tờ bản đồ số 6, diện tích 219,7m^2 đứng tên ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1; Thửa đất số 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 đứng tên ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

Bị đơn anh Phạm Anh T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Phạm Thị H về thời gian vợ chồng ly hôn. Khi ly hôn, giữa chị H và anh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản. Anh nhất trí để lại toàn bộ vật

dụng sinh hoạt như đã nêu trên cho chị H. Còn nhà ở, đất đai là của bố mẹ anh, không liên quan gì đến vợ chồng. Cụ thể: Sau khi anh chị kết hôn, bố mẹ anh xây dựng một ngôi nhà để cho vợ chồng anh mượn ra ở riêng chứ không phải tặng cho vợ chồng anh, việc mượn nhà là giữa bố mẹ và con nên không làm giấy tờ, văn bản gì. Anh T và chị H đã ly hôn nên anh đề nghị trả lại nhà và đất ở cho bố mẹ anh. Anh T không nhất trí xác định nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng, không nhất trí để chia. Đối với yêu cầu của chị H là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa gồm thửa 777, 778, 779 thuộc tờ bản đồ số 6, ở xóm M, xã H, thành phố V Nghệ An thì anh không đồng ý vì đất là của bố mẹ anh, không liên quan đến vụ án tranh chấp tài sản chung của vợ chồng giữa anh T và chị H. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1 là ông Văn Đình P trình bày: Khoảng tháng 7/2014, anh Phạm Anh T kết hôn với chị Phạm Thị H rồi về ở cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Lúc đó anh trai anh T là Phạm Tuấn A cũng đã kết hôn, hai con dâu cùng ở trong một nhà chung với ông L và bà T1 nên rất chật chội, khó khăn. Vì vậy, sau khi anh T và chị H kết hôn thì ông L và bà T1 đã xây thêm một ngôi nhà 01 tầng đổ mái bằng bên cạnh nhà đang ở, cùng trong thửa đất của ông bà để cho vợ chồng anh T, chị H mượn ra ở riêng, không phải tài sản riêng của vợ chồng anh T chị H. Việc cho anh T và chị H mượn nhà, đất ở riêng không lập văn bản giấy tờ gì mà ông, bà chỉ nói miệng vì nghĩ đơn giản là cha mẹ cho vợ chồng con trai mượn ở. Việc chị H khai ông L bà T1 cho vợ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thực ra là đưa cho chị H để trả tiền công thợ xây nhà. Nay vợ chồng anh T, chị H đã ly hôn thì yêu cầu anh T, chị H phải trả lại nhà, đất nói trên cho ông L, bà T1. Còn các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt của anh T và chị H thì tùy hai bên tự thỏa thuận quyết định, ông L và bà T1 không liên quan và cũng không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu của chị H là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất gồm thửa 777, 778, 779 thuộc tờ bản đồ số 6 ở xóm M, xã H, thành phố V Nghệ An thì ông L bà T1 không đồng ý vì đất là của ông bà không liên quan gì đến tranh chấp tài sản chung giữa chị H và anh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A trình bày: Anh Phạm Tuấn A là con trai của ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1, là anh trai của bị đơn anh Phạm Anh T. Ngày 11/8/2021, anh Phạm Tuấn A được ông L, bà T1 làm thủ tục tặng cho thửa đất số 777, tờ bản đồ số 06, diện tích 261,7m^2 tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này được tách từ thửa 725, tờ bản đồ số 06 do ông L, bà T1 là chủ sở hữu. Trên thửa đất 777 có 01 ngôi nhà cấp 4 của anh Phạm Tuấn A và vợ là chị Nguyễn Thị V xây dựng năm 2020. Thủ tục tặng cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 777 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, thửa đất này không liên quan đến thửa 779 mà chị Phạm Thị H đang tranh chấp với anh Phạm Anh T. Vì vậy, nay chị H khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 777 thì anh Phạm Tuấn A không đồng ý.

Đại diện theo ủy quyền của Sở T: Ông Mai Huy V1 và đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V bà Lê Thị Đ1 thống nhất trình bày:

Thửa đất 725, tờ bản đồ số 6 tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 687268 cho ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1 ngày 22/11/2019. Thửa đất này được ông L, bà T1 thực hiện thủ tục tách thửa, tặng cho thành các thửa đất sau:

+ Thửa 777, tờ bản đồ số 6, diện tích 261,7m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858169 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Tuấn A (anh trai của anh Phạm Anh T);

+ Thửa 778, tờ bản đồ số 6, diện tích 219,7m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858170 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

+ Thửa 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

Về thành phần, thủ tục tách thửa, tặng cho quyền sử dụng đất là đảm bảo quy định của pháp luật. Trong thời gian làm thủ tục tách thửa thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V và Sở T không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, không biết được đất đang tranh chấp, không có các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về kê biên, phong tỏa, cấm chuyển nhượng.....Vì vậy, thủ tục tách thửa đất số 725 cơ quan chức năng đã thực hiện theo đúng quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 198/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 116, Điều 500 Bộ luật Dân sự; Điều 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 777, tờ bản đồ số 6, diện tích 261,7m2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858169 ngày 11/8/2021 cho anh Phạm Tuấn A; Thửa đất số 778, tờ bản đồ số 6, diện tích 219,7m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858170 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1; Thửa đất số 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06, diện

tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1;

3. Ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 được quyền sử dụng thửa đất số 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 và được quyền sở hữu các tài sản có trên thửa đất số 779, bao gồm: nhà ở một tầng trị giá 435.372.000 đồng, mái tôn trị giá 13.359.000 đồng, hai cánh cổng trị giá 5.096.000 đồng, trụ cổng trị giá 4.368.000 đồng, mái cửa cổng trị giá 2.940.000 đồng, bờ rào trị giá 2.530.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 463.665.000 đồng (bốn trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

4. Buộc ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trích công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo tài sản cho chị Phạm Thị H 150.000.000 đồng và trích chia giá trị tài sản là ngôi nhà và tài sản gắn liền với thửa đất số 779 cho chị H là 154.555.000 đồng. Tổng cộng 304.555.000đ (Ba trăm linh tư triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng); Chị Phạm Thị H được sở hữu 304.555.000 đồng ông L, bà T1 giao.

5. Buộc ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trích chia cho anh Phạm Anh T giá trị tài sản ngôi nhà và tài sản gắn liền với thửa đất số 779 là 154.555.000 đồng (một trăm năm mươi tư triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Anh Phạm Anh T được sở hữu số tiền 154.555.000 đồng ông L, bà T1 giao.

6. Giao cho chị Phạm Thị H được quyền sở hữu: 01 Tivi 49 inch hiệu LG, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 máy giặt cửa ngang hiệu Electrolux, 01 bộ bàn ghế salong, 01 tủ quần áo bằng nhôm 3 ngăn, 01 tủ quần áo bằng nhôm 4 ngăn, 01 giường ngủ 1,6mx2m (giường hộp); 01 giường ngủ 1,6mx2m, 01 bếp ga, 01 bàn để ti vi bằng kính cường lực; 01 quạt hút mùi, 01 bộ cửa chính bằng gỗ dổi (đã tháo rời, bao gồm cả khung cửa); tổng giá trị tài sản là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/8/2023, bị đơn là anh Phạm Anh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu trích trả công sức; yêu cầu định giá lại giá trị ngôi nhà; giảm phần giá trị tài sản gắn liền với đất mà chị H được hưởng, tăng phần giá trị tài sản gắn liền với đất mà ông bà L được hưởng so với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Phạm Tuấn A và người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà L là anh Phạm Anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên quan điểm cho rằng đất là của ông T1, bà L nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc phải có nghĩa vụ trích

công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo đất cho nguyên đơn là không có căn cứ, không đồng ý việc trích chia giá trị tài sản trên đất cho nguyên đơn, và không đồng ý kết quả định giá tài sản của cấp sơ thẩm, đề nghị được tiến hành định giá lại.

Chị H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

+ Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, những người tiến hành tố tụng khác và các đương sự đã thực hiện đúng các qui định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận ông L bà T1 có đưa cho vợ chồng chị H 200.000.000đ. Theo chị H thì đây là số tiền ông L bà T1 cho để làm nhà (chị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc tặng cho số tiền này). Như vậy, có căn cứ xác định khi chị H anh T làm nhà có cả tiền của ông L bà T1 và khi làm xong nhà anh T chị H sử dụng đến khi ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, chia cho chị H 1/3 giá trị ngôi nhà là chưa phù hợp. Do đó, cần trừ đi số tiền ông L, bà T1 đã đóng góp; giá trị còn lại là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị H để chia mỗi người được hưởng ½ là phù hợp. Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự về nội dung này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Phạm Anh T, ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 198/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nội dung và hình thức hợp lệ, trong thời hạn nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng và đủ các đương sự trong vụ án.

[3] Xét kháng cáo của anh Phạm Anh T và ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1:

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị H thì thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06, diện tích 242,2m^2 tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của chị H và anh T do bố mẹ của anh T là ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị Tân T2 cho vợ chồng nên đề nghị Tòa án chia theo pháp luật, trường hợp không được chia đất thì chị đề nghị Tòa án xem xét trích công sức tôn tạo, bảo quản đất cho chị.

Anh T, ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 trình bày thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông bà, chưa tặng cho ai, đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H trả lại cho ông bà.

Xét tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1.1] Diện tích đất tranh chấp là một phần thửa đất số 312, tờ bản đồ số 06, có diện tích 938m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01522 ngày 25/11/2010 mang tên ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1. Ngày 22/11/2019, được UBND thành phố V cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 687268, đối với thửa đất số 725, tờ bản đồ số 06, diện tích 723,6m^2 mang tên ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 do đã tách thửa tặng cho chị Phạm Thị Hải Y một phần thửa đất. Ngày 11/8/2021, thửa đất số 725 được tách thành 03 thửa là thửa đất số 777, 778 và 779. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận diện tích đất tranh chấp 779 thuộc quyền sử dụng của ông L, bà T1. Chị H trình bày ông L, bà T1 đã tặng cho anh T, chị H diện tích đất trên nhưng ông L, bà T1 và anh T không thừa nhận. Theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc tặng cho quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản và bắt buộc phải công chứng, chứng thực. Chị Phạm Thị H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh có việc tặng cho; quá trình sử dụng anh chị chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 779 của chị Phạm Thị H là đúng.

[3.1.2] Giá trị thửa đất số 779 theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 1.961.000.000 đồng. Mặc dù thửa đất số 779 là của ông L, bà T1. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến năm 2020, chị Phạm Thị H và anh Phạm Anh T ở trên đất và có công sức trong việc bảo quản, duy trì, làm tăng giá trị của thửa đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc ông L, bà T1 trích trả công sức tôn tạo, bảo quản diện tích đất tranh chấp cho chị H 150.000.000 đồng, chỉ tương ứng với 7,65% giá trị thửa đất là phù hợp, không cao.

[4] Về việc định giá tài sản trên đất: Theo kết quả định giá thì ngôi nhà và các tài sản gắn liền với đất gồm mái tôn, 02 cánh cửa cổng, trụ cổng, mái cổng, bờ rào, tổng là 463.665.000 đồng (không tính giá trị bộ cửa gỗ mới lắp sau khi chị H, anh T ly hôn trị giá 38.000.000 đồng). Quá trình định giá ông L, bà T1 có mặt không có ý kiến gì, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T1 cũng đồng ý với kết quả định giá. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà T1 và anh T về việc định giá lại tài sản.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H trình bày ngôi nhà có diện tích 99m^2 trên diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của chị H và anh T và đề nghị Tòa án phân chia theo pháp luật. Ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 trình bày ngôi nhà là do ông bà xây dựng và cho anh T, chị H mượn ở nhờ, đề nghị Tòa án buộc anh T, chị H trả lại ngôi nhà cho ông bà. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngôi nhà được xây dựng từ tháng 8/2014 trên thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà T1, sau thời điểm anh Phạm Anh T và chị Phạm Thị H kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cung cấp được các tài liệu, hóa đơn thể hiện việc chị là người mua nguyên vật liệu, trả tiền công xây nhà; người làm chứng ông Ông Văn T3 khai nhận ông có làm cửa và cầu thang cho anh T và chị H, anh T, chị H là người thanh toán tiền vật liệu cho ông, ông còn giới thiệu địa chỉ cho anh T chị H mua gạch làm nhà. Ông L, bà T1 cung cấp một số tài liệu về việc mua nguyên vật liệu, 01 hóa đơn làm đá

và lời khai của một số người khác nhưng các tài liệu này mới được lập vào tháng 7/2023, ông Nguyễn Hữu Q khai làm cửa cho ông T1, bà L… nhưng chị H không thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận ông L, bà T1 có đưa cho vợ chồng chị 200.000.000 đồng, chị H cho rằng ông L, bà T1 cho vợ chồng số tiền này để làm nhà nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc cho, tặng. Ông L, bà T1, anh T và người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T1 phủ nhận và khai số tiền nêu trên là do ông L, bà T1 đưa cho chị H để thanh toán tiền làm nhà cho ông bà, không phải cho vợ chồng chị. Như vậy, từ lời khai của các đương sự có căn cứ xác định ông L, bà T1 đưa cho chị H, anh T số tiền 200.000.000 đồng khi làm nhà là có thật, là sự kiện không phải chứng minh.

[6] Do ngôi nhà được chị H, anh T xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà T1 và hiện nay đang do ông L, bà T1 quản lý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và việc thi hành án Tòa án cấp sơ thẩm đã giao ngôi nhà cho ông L, bà T1 được quyền sở hữu và buộc ông L, bà T1 phải thanh toán phần tài sản bằng tiền cho chị H, anh T là có căn cứ và phù hợp.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định khi xây dựng ngôi nhà có cả tiền của ông L và bà T1 là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H để chia cho chị H, anh T và vợ chồng ông L bà T1 mỗi người 1/3 giá trị ngôi nhà là không thỏa đáng. Trong trường hợp này, giá trị tài sản (trên đất) của anh T chị L cần được xác định là giá trị còn lại sau khi trừ đi số tiền 200.000.000 đồng mà anh chị thừa nhận ông L, bà T1 đã đưa cho anh chị khi làm nhà. Cụ thể là: 463.665.000 đồng – 200.000.000 đồng = 263.665.000 đồng. Do không có căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân trong hai vợ chồng ai có công sức nhiều hơn ai, nên sẽ chia cho anh T, chị L mỗi người được hưởng 1/2 giá trị, tương ứng với số tiền: 263.665.000 đồng : 2 = 131.832.000 đồng.

[8] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, ông L, bà T1 và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa để sửa bản án sơ thẩm như đã nhận định tại mục [7].

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông L, bà T1 là người cao tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí cho ông bà là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh T và chị H sẽ phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng. Chị H không phải chịu án phí với giá trị về công sức gìn giữ tôn tạo đối với quyền sử dụng đất do chị không phải là người thừa kế của ông T1, bà L (đã được hướng dẫn tại văn bản số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao ban hành thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử).

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo được chấp nhận (một phần) và Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên nên anh T, ông L, bà T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, ông L, bà T1 đề nghị về việc: Giảm phần giá trị tài sản gắn liền với đất mà chị H được hưởng, tăng phần giá trị tài sản gắn liền với đất mà ông bà L được hưởng so với quyết định của bản án sơ thẩm. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 198/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An như sau:

Áp dụng Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 116, Điều 500 Bộ luật Dân sự; Điều 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.1. Ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 được quyền sử dụng thửa đất số 779, tờ bản đồ số 6, diện tích 242,2m^2 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDD đất số DC 858171 ngày 11/8/2021 cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 và được quyền sở hữu các tài sản có trên thửa đất số 779, bao gồm: Nhà ở một tầng trị giá 435.372.000 đồng, mái tôn trị giá 13.359.000 đồng, hai cánh cổng trị giá 5.096.000 đồng, trụ cổng trị giá 4.368.000 đồng, mái cửa cổng trị giá 2.940.000 đồng, bờ rào trị giá 2.530.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 463.665.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

1.2. Buộc ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo tài sản cho chị Phạm Thị H 150.000.000 đồng và thanh toán một phần giá trị tài sản là ngôi nhà và tài sản gắn liền với thửa đất số 779 cho chị H là 131.832.000 đồng. Tổng cộng 281.832.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng). Chị Phạm Thị H được sở hữu số tiền 281.832.000 đồng (Hai trăm tám mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) do ông L bà T1 thanh toán.

1.3. Buộc ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Anh T một phần giá trị tài sản ngôi nhà và tài sản gắn liền với thửa đất số 779 là 131.832.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng). Anh Phạm Anh T được sở hữu số tiền 131.832.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) do ông L bà T1 thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh T, ông L, bà T1 đề nghị về việc: "Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu trích trả công sức; yêu cầu định giá lại giá trị ngôi nhà".

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị H phải chịu 6.591.600 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp là 10.850.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003582 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị H số tiền 4.258.400 đồng.

- Anh Phạm Anh T phải chịu 6.591.600 đồng .

- Miễn án phí cho ông Phạm Ngọc L và bà Phạm Thị T1.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Ngọc L, bà Phạm Thị T1 và anh Phạm Anh T không phải chịu. Hoàn trả anh T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2022/0004414 ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, nhưng cho bảo thủ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh